**LỜI MỞ ĐẦU**

Quan hệ sở hữu là một trong những quan hệ cơ bản của xã hội. Trong hệ thống pháp luật Việt Nam có rất nhiều ngành luật điều chỉnh quan hệ này, mỗi ngành có một cách điều chỉnh riêng; trong đó Luật Hình sự điều chỉnh quan hệ sở hữu bằng cách quy định những chế tài đối với các tội xâm phạm sở hữu. Một trong những tội đó là tội trôm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 Bộ luật Hình sự (BLHS). Tội trộm cắp tài sản là tội xâm phạm trực tiếp tới quyền sở hữu tài sản, nó xảy ra khá phổ biến.

Có thể nói trộm cắp tài sản trong giai đoạn hiện nay là một trong những vấn đề gây bức xúc trong xã hội hiện nay. Tình hình phạm tội và số người phạm tội ngày càng có xu hướng tăng cao. Điều đáng nói ở đây là trong số đó có cả những thanh niên chưa đủ 18 tuổi, gương mặt thì non choẹt nhưng lại rất điêu luyện trong thực hiện việc trộm cắp. Vì vậy, việc nhận định được thực trạng và quy định về hình phạt đối với tội này là rất cần thiết.

Từ đó, nhận thức được vai trò của vấn đề này, kết hợp với các kiến thức đã được học, nhóm chúng em xin phép chọn đề số 1 cho bài tập nhóm số 2 môn Luật Hình sự Việt Nam.

**ĐỀ BÀI**

Khoảng 18 giờ ngày 25/11/2008, C (19 tuổi) đi xe máy của gia đình chở H (17 tuổi) đi chơi rồi rủ nhau đi trộm cắp tài sản. Đến một quán bán đồ điện, C mua 01 chiếc tuốc nơ vít dài khoảng 30cm và 01 chiếc cà lê dài khoảng 17cm đưa cho H để phá khoá xe máy. C chở H đi lòng vòng một hồi thì thấy có hai chiếc xe máy dựng trước cửa nhà anh D. C dừng xe đợi ở ngoài, H vào dùng tuốc nơ vít phá khoá chiếc xe Jupiter. Thấy có người lại gần, C sợ bị phát hiện bắt giữ nên phóng xe đi trước. Sau khi lấy được xe, H tháo gương, thay bằng biển số giả rồi đem chiếc xe trên đến gửi tại phòng trọ của T. Lúc đó T không biết chiếc xe là do H đã trộm cắp được. Ngày 27/11/2008, sau khi biết chiếc xe do H trộm cắp của người khác, T đã đem chiếc xe trên nộp cho Công an. Chiếc xe trị giá 19.000.000 đồng.

**Câu hỏi:**

1. Theo phân loại tội phạm tại Điều 8 BLHS, hãy xác định tội trộm cắp tài sản thuộc loại tội phạm gì? (2 điểm)

2. C và H có bị coi là đồng phạm tội trộm cắp tài sản không? (2 điểm)

3. C có được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội không?(2 điểm)

4. Giả sử khi đến gửi xe tại phòng trọ của T, H có nói cho T biết đây là xe vừa trộm cắp được, T cho H gửi xe thì T có bị coi là đồng phạm về tội trộm cắp tài sản với vai trò là người giúp sức không? (1 điểm).

**BÀI LÀM**

1.Theo phân loại tội phạm tại Điều 8 BLHS, hãy xác định tội trộm cắp tài sản thuộc loại tội phạm gì?

Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội, có lỗi, trái pháp luật và phải chịu hình phạt.

Căn cứ vào tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi được quy định trong BLHS, tội phạm được phân thành tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

Theo khoản 3 Điều 8 BLHS, các nhóm tội phạm được xác định trên cơ sở sau: “Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù; tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù; tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình”.

Tội trộm cắp tài sản được quy định tại Điều 138 BLHS, gồm 5 khoản thì 4 khoản đầu tiên quy định về hình phạt chính (phạt tù có thời hạn và tù chung thân), khoản 5 quy định về hình phạt bổ sung (phạt tiền).

Khoản 1 Điều 138 BLHS quy định các tình tiết định khung đó là hành vi trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm. Những tội phạm thuộc vào khoản 1 Điều 138 BLHS thì bị“phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”.Tại khoản 1 Điều 138 BLHS, tội phạm có mức hình phạt cao nhất là ba năm tù, căn cứ vào khoản 3 Điều 8 BLHS thì đây là tội phạm ít nghiêm trọng.

Khoản 2 Điều 138 quy định 7 tình tiết định khung với tính chất nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với khoản 1. Các tình tiết đó làtội phạm có tổ chức; có tính chất chuyên nghiệp; tái phạm nguy hiểm; dùng thủ đoạn xảo quyệt nguy hiểm; hành hung để tẩu thoát; chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng hoặc gây hậu quả nghiêm trọng.Hình phạt được quy định ngay trong điều luật: Phạm tội thuộc một trong các trường hợp trên, “thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”. Mức cao nhất của khung hình phạt là đến bảy năm tù nên căn cứ vào khoản 3 Điều 8 BLHS thìnhững hành vi thuộc vào khoản 2 Điều 138 BLHS là tội phạm nghiêm trọng.

Với tính chất nguy hiểm cho xã hội cao hơn so với khoản 1 và khoản 2, các hành vi tại khoản 3 Điều 138 BLHS có mức hình phạt cao hơn. Các tình tiết để xác định tội phạm tại khoản này đó là chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng hoặc gây hậu quả rất nghiêm trọng. Với các trường hợp này, hình phạt cao nhất là mười lăm nămtù (khoản 3 Điều 138 BLHS), căn cứ vào Điều 8 BLHS thì tội phạm tại khoản 3 Điều 138 BLHS là tội phạm rất nghiêm trọng.

Tội phạm tại khoản 4 có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội cao nhất trong 4 khoản, vì vậy mức hình phạt cũng cao hơn. Cụ thể đối với những hành vi chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm trăm triệu đồng trở lên hoặc gây hậu quả đặc biệt nghiêm trọng, hình phạt cao nhất là tù chung thân (khoản 4 Điều 138 BLHS). Căn cứ vào khoản 3 Điều 8 BLHS thì tội phạm nêu trên là tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

**2. C và H có bị coi là đồng phạm tội trộm cắp tài sản không?**

Cũng tương tự như đối với tội cướp giật tài sản và tội công nhiên chiếm đoạt tài sản, điều văn của điều luật không mô tả hành vi trộm cắp tài sản được thực hiện như thế nào, nhưng căn cứ vào lý luận và thực tiễn xét xử thì trộm cắp tài sản là hành vi lén lút lấy tài sản của chủ sở hữu hoặc người có trách nhiệm quản lý tài mà không dùng vũ lực hoặc đe doạ dùng vũ lực hoặc bất cứ một thủ đoạn nào nhằm uy hiếp tinh thần của người quản lý tài sản. Thông thường người phạm tội lợi dụng sự mất cảnh giác của người quản lý tài sản để lấy tài sản mà người quản lý tài sản không hề biết. C và H có năng lực trách nhiệm hình sự (TNHS), đủ tuổi chịu TNHS, đã thực hiện hành vi chiếm đoạt chiếc xe máy Jupiter trị giá 19 triệu đồng bằng hình thức lén lút. Căn cứ vào Điều 138 BLHS thì C và H đã phạm tội trộm cắp tài sản.

C và H là đồng phạm tội trộm cắp tài sản.

Khoản 1 Điều 20 có nêu: “Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm”.

Theo nội dung trên, đồng phạm đòi hỏi những dấu hiệu cả về mặt khách quan và chủ quan của tội phạm.

Về mặt khách quan, C (19 tuổi) và H (17 tuổi) đều đã đủ tuổi chịu TNHS và là người có năng lực TNHS.Tiếp theo, cả 2 chuẩn bị dụng cụ, khảo sát đối tượng và tiến hành lén lút trộm cắp tài sản là chiếc xe máy Jupiter trị giá 19 triệu đồng trước cửa nhà anh D, với dữ kiện đề bài cho thì H là người thực hành việc trộm cắp tài sản còn C tham gia với vai trò ít nhất là người giúp sức, thể hiện ở việc canh cho C phá khóa xe máy... Vậy C và H có đủ điều kiện chủ thể của tội phạm và cố ý trộm cắp tài sản.

Về mặt chủ quan, đối với tội trộm cắp tài sản (Điều 138 BLHS) thì đồng phạm đòi hỏi những người cùng thực hiện tội phạm đều có lỗi cố ý. Lỗi cố ý trong đồng phạm được thể hiện trên hai mặt lí trí và ý chí.

C và đều đủ tuổi chịu TNHS và không có dấu hiệu cho thấy một trong số họ hoặc cả 2 bị mất năng lực TNHS nên họ mặc nhiên được thừa nhận là có năng lực TNHS. Người có năng lực TNHS là người khi thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội có khả năng nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội do hành vi của mình và có khả năng điều khiển được hành vi đấy. Tức là C và H khi phạm tội đều biết hành vi của mình và người còn lại là nguy hiểm cho xã hội.

Tiếp theo, C và H đã có bàn bạc trước khi tiến hành trộm cắp tài sản, thể hiện ở việc rủ nhau, cùng nhau chuẩn bị công cụ, phương tiện gây án, có khảo sát đối tượng, phân công giữa người phá khóa và người canh giữ và không có sự bất đồng về chính kiến, chứng tỏ cả 2 tự nguyện, không bị ép buộc, có mong muốn hoạt động với nhau và cùng mong muốn hoặc có ý thức để mặc hậu quả phát sinh.

Tóm lại đối với mặt chủ quan, cả C và H dù biết hành vi của mình và người còn lại là nguy hiểm cho xã hội nhưng đều mong muốn hoạt động chung để phạm tội.

Từ những căn cứ nêu trên có thể kết luận C và H là đồng phạm tội trộm cắp tài sản.

**3. C có được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội không?**

C không được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

Theo Điều 19 BLHS: “Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội là là tự ý mình không thực hiện tội phạm đến cùng, tuy không có gì ngăn cản. Người tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội được miễn TNHS về tội định phạm; nếu hành vi thực tế đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội khác, thì người đó phải chịu trách nhiệm về tội này”.

Chỉ được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội khi thỏa mãn 2 dấu hiệu sau:

- Việc chấm dứt không thực hiện tiếp tội phạm phải xảy ra khi tội phạm đang ở giai đoạn chuẩn bị hoặc ở giai đoạn chưa đạt chưa hoàn thành.

- Việc chấm dứt không thực hiện tiếp tội phạm phải là tự nguyện và dứt khoát.

Xét điều kiện đầu tiên,việc chấm dứt không thực hiện tiếp tội phạm phải xảy ra khi tội phạm đang ở giai đoạn chuẩn bị hoặc ở giai đoạn chưa đạt, chưa hoàn thành. Vì khi tội phạm ở giai đoạn chưa đạt đã hoàn thành thì cũng có nghĩa người phạm tội đã thực hiện hết những hành vi mong muốn mà do vậy không thể tự ý dừng lại chấm dứt thực hiện tội phạm. Tại thời điểm chưa đạt đã hoàn thành, hậu quả của tội phạm tuy chưa xảy ra nhưng sẽ xảy ra mà không cần người phạm tội phải có hành vi gì tiếp nữa (theo ý thức chủ quan của chủ thể), việc chủ thể chỉ dừng lại không thực hiện tiếp rõ ràng không ngăn chặn được việc quả nguy hiểm cho xã hội xảy ra.

Với tội phạm đã hoàn thành thì cũng không thể có tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội vì khi đó hành vi phạm tội đã có đầy đủ những đặc điểm thể hiện tính chất nguy hiểm cho xã hội của tội phạm đã thực hiện. Việc dừng lại không thực hiện tiếp tội phạm tại thời điểm này không làm thay đổi tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội đã thực hiện.

Trong tình huống này, C đang dừng xe ở ngoài thấy có người lại gần, sợ bị phát hiện bắt giữ nên C phóng xe đi trước. Trở ngại khách quan khi có người lại gần đã làm cho C không thể tiếp tục đứng canh do sợ bị lộ. Khi C phóng xe đi, 2 người chưa thực hiện xong việc trộm cắp tài sản, thể hiện ở việc H chưa phá khóa xong chiếc xe máy. C chấm dứt không thực hiện tiếp tội phạm khi tội phạm đang ở giai đoạn chưa đạt chưa hoàn thành.

Về điều kiện thứ 2, để được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, đòi hỏi chủ thể dừng lại không thực hiện tiếp tội phạm phải hoàn toàn do động lực bên trong chứ không phải trở ngại khách quan chi phối. Khi dừng lại, người phạm tội vẫn tin rằng, hiện tại không có gì ngăn cản và vẫn có thể thực hiện tiếp tội phạm. Theo dữ kiện đề bài, C thấy có người lại gần, sợ bị phát hiện bắt giữnên C đã phóng xe đi, việc có người lại gần là một trở ngại khách quan khiến cho C phải bỏ dở việc đứng canh. Bản thân C vẫn tiếp tục muốn đứng canh, việc phóng xe đi là việc không mong muốn, nằm ngoài dự tính và khi dừng việc phạm tội lại, C tin rằng chính trở ngại khách quan trên là nguyên nhân khiến cho C không thể thực hiện tiếp tội phạm.

Như vậy việc chấm dứt việc phạm tội của C tuy có dứt khoát nhưng không tự nguyện.

Hành vi của C không thỏa mãn hết các điều kiện của trường hợp tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội. Vì vậy, căn cứ vào Điều 19 BLHS thì C không được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

**4. Giả sử khi đến gửi xe tại phòng trọ của T, H có nói cho T biết đây là xe vừa trộm cắp được, T cho H gửi xe thì T có bị coi là đồng phạm về tội trộm cắp tài sản với vai trò là người giúp sức không?**

T không bị coi là đồng phạm về tội trộm cắp tài sản với vai trò là người giúp sức.

Khoản 2 Điều 20 BLHS quy định “Người giúp sức là người tạo ra điều kiện tinh thần hay vật chất cho việc thực hiện tội phạm”.

Giúp sức về vật chất có thể là cung cấp công cụ, phương tiện hoặc khắc phục trở ngại để tạo cho người thực hành thực hiện tội phạm được dễ dàng, thuận lợi hơn.Giúp sức về tinh thần có thể là những hành vi cung cấp những gì tuy không có tính vật chất nhưng cũng tạo cho người thực hành điều kiện thuận lợi hơn cho việc thực hiện tội phạm như chỉ dẫn, góp ý kiến, cung cấp tình hình, hứa hẹn sẽ tiêu thụ giúp vật chứng, tiêu tán giúp tài sản do trái pháp luật mà có…

Theo giả thiết, T biết việc trộm cắp của H sau khi tội phạm đã hoàn thành. Việc không biết trước về hành vi phạm tội của H trước thời điểm tội phạm hoàn thành làm cho hành vi cho H gửi xe của T không tạo ra những điều kiện thuận cho người thực hành thực hiện hành vi phạm tội hoặc yên tâm khi thực hiện tội phạm. Vì tội phạm đã xảy ra trước khi T biết nên hành vi của T không củng cố quyết tâm thực hiện tội phạm của H.

Từ những căn cứ nêu trên có thể kết luận T không bị coi là đồng phạm về tội trộm cắp tài sản với vai trò là người giúp sức.

Hành vi đồng ý cho gửi xe của T không phải là hành vi đồng phạm tội trộm cắp tài sản, hành vi này chỉ có thể cấu thành những tội độc lập trong những trường hợp luật quy định. Hành vi liên quan đến tội phạm của T có thể bị truy cứu TNHS về tội che giấu tội phạm (Điều 313).

Tuy nhiên, giả sử sau khi mua dụng cụ để thực hiện việc trộm cắp xe máy, C và H có gọi cho T nói về chuyện mình sẽ đi trộm xe máy, T nghe và có hứa là nếu trộm được thì T sẽ giúp giấu hộ tại nhà của mình, chờ tình hình êm ả sẽ đem đi tiêu thụ thì khi đó, T sẽ là đồng phạm của tội trộm cắp tài sản với vai trò là người giúp sức.

**KẾT LUẬN**

1. Đối với tội trộm cắp tài sản tại Điều 138 BLHS thì khoản 1 quy định về tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm tại khoản 2 là tội phạm nghiêm trọng, khoản 3 là tội phạm rất nghiêm trọng và khoản 4 quy định về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.

2. H là đồng phạm tội trộm cắp tài sản.

3. C không được coi là tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội.

4. T không bị coi là đồng phạm về tội trộm cắp tài sản với vai trò là người giúp sức.

Trên đây là toàn bộ bài làm của nhóm chúng em. Do kiến thức lí luận và thực tiễn còn hạn chế nên dù rất cố gắng nhưng bài làm không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, chúng em mong nhận được sự chỉ bảo của thầy cô cùng sự góp ý của các bạn nhóm khác để bài viết được hoàn thiện hơn. Chúng em xin chân thành cảm ơn!

**DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Giáo trình luật hình sự Việt Nam 1, Đại học Luật Hà Nội, NXB CAND, 2013.

- Bộ luật Hình sự Việt Nam 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

- Bình luận khoa học Bộ luật Hình sự 1999 phần các tội phạm, tập 2, Đinh Văn Quế, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.